

Bản án số: 34/2026/HS-PT
Ngày 15-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lâm;

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 671/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Đặng Thị Mỹ T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo, người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 142/2025/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Đặng Thị Mỹ T sinh năm 1997 tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số B, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T1 và bà Lý Thị Mỹ H (bị cáo trong vụ án); có chồng (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 07 tháng 02 năm 2025 cho đến nay, có mặt.

2. Lý Thị Mỹ H sinh năm 1974 tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: số B, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn B và bà Nguyễn Thị T2; có chồng và 02 con;

tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 07 tháng 02 năm 2025 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Đặng Thị Mỹ T; Lý Thị Mỹ H:* Ông Đỗ Văn V - Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ, có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1973; nơi cư trú: số E, khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đặng Thị Mỹ T là con ruột của bị cáo Lý Thị Mỹ H và ông Đặng Văn T1 (sinh năm 1964, nơi cư trú: Số B, khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh). Bị hại ông Nguyễn Hữu S (sinh năm 1973, nơi cư trú: Số E khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) là hàng xóm của gia đình Đặng Thị Mỹ T.

Khoảng tháng 8/2017, Đặng Thị Mỹ T có vay của ông Nguyễn Hữu S số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) với lãi suất 3%/tháng. Sau đó, T đã trả được 01 tháng tiền lời cho ông S với số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), sau đó T không có khả năng trả lãi và gốc cho ông S. Do cần tiền tiêu xài, T biết cha ruột là ông Đặng Văn T1 có đất được Nhà nước thu hồi làm Dự án Đại học Quốc gia và được cấp Giấy biên nhận cấp đất tái định cư (nguồn gốc đất là do cha, mẹ của ông T1 để lại cho anh, em ông T1, ông T1 khẳng định không đưa vào tài sản chung của vợ, chồng) nên lén lút lấy Giấy biên nhận cấp đất tái định cư mà Nhà nước cấp cho ông T1. T và Lý Thị Mỹ H đến gặp ông S và đưa ra thông tin gian dối ông T1 muốn bán suất đất tái định cư trên và đưa Giấy biên nhận cấp đất tái định cư mà Nhà nước cấp cho ông Đặng Văn T1 để ông S xem. Ông S đồng ý mua với giá 1.000.000.000 (một tỷ) đồng thì T và H đồng ý.

Đến ngày 23/10/2017, ông S gọi điện thoại cho T đến làm Hợp đồng mua bán suất đất tái định cư mà T cho ông S xem biên nhận trước đó, rồi T cùng H đến quán C tại khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) gặp ông S. Tại đây, ông S đưa ra 01 Hợp đồng thỏa thuận giao tiền chuyển nhượng đất tái định cư đã soạn sẵn với nội

dung ông Đặng Văn T1 và Lý Thị Mỹ H chuyển nhượng cho ông S thửa đất tái định cư, diện tích 150m² tọa lạc tại khu phố C, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), số tiền đặt cọc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) bao gồm số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) sau khi ký Hợp đồng ông S sẽ đặt cọc để mua suất đất tái định cư, 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) mà T vay mượn ông S trước đó, nhưng ông S đề nghị ghi trong hợp đồng là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) để ông S về lấy thêm tiền của vợ là bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1976, HKTT: Số E khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), Tiên đồng ý với đề nghị của ông S. H ngồi bên cạnh nghe và biết rõ nhưng không có ý kiến gì. Biên nhận do ông Đặng Văn T1 đứng tên nên ông S yêu cầu phải có chữ ký của ông T1, H và T thì Tiên đồng ý và nói với ông S đưa Hợp đồng để mang về cho ông T1 ký, do tin tưởng nên ông S đồng ý giao cho T và H đem Hợp đồng về nhà để cho ông T1 ký. Sau đó, T cùng H đi về nhà.

Khi về đến nhà, T nhờ H ký, ghi họ tên và lấn tay vào Hợp đồng thoả thuận mà ông S đưa thì được H đồng ý, H ký, ghi rõ họ tên và dùng ngón trỏ phải, ngón trỏ trái của mình lấn trên Hợp đồng, H đưa Hợp đồng để T ký, ghi rõ họ tên và lấn tay của mình trên Hợp đồng, đồng thời T giả chữ ký ông T1 và ghi tên Đặng Văn T1 trên Hợp đồng, T nhờ H giả dấu vân tay của ông T1 lấn trên Hợp đồng, H đồng ý và dùng ngón tay giữa phải, ngón tay giữa trái lấn vào vị trí ký tên Đặng Văn T1 mà T đã ghi trước đó (H và T biết rõ ông T1 không đồng ý chuyển nhượng suất đất tái định cư). Sau đó, T cầm Hợp đồng đến nhà kho tại khu phố T, phường Đ gặp ông S. Khi ông S nhìn thấy trong Hợp đồng đã có chữ ký, dấu vân tay của ông T1, H cùng T nên ông S tin tưởng và đưa cho T số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Bản thân ông Đặng Văn T1 không biết việc T thoả thuận ký Hợp đồng chuyển nhượng suất đất tái định cư với ông S. Sau đó, T tiếp tục gặp ông S lấy thêm tiền 02 lần (không rõ ngày), mỗi lần số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tính vào số tiền ông S mua đất suất tái định cư. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt của ông S là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Đến khoảng tháng 10/2018, ông S đến gặp ông T1 hỏi về suất đất đã làm Hợp đồng bán cho ông S để tiến hành thủ tục cấp đất, thì ông T1 nói không biết và không ký Hợp đồng thoả thuận chuyển nhượng suất đất tái định cư. Thấy

vậy, ông S yêu cầu H và T trả lại tiền nhưng T và H không trả. Sau nhiều lần đòi tiền không được, ông S đã làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D, tỉnh Bình Dương (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H).

Vật chứng thu giữ: 01 Hợp đồng thỏa thuận giao tiền chuyển nhượng đất tái định cư đề ngày 23/10/2017.

Tại Kết luận giám định số 545/GĐ-PC09 ngày 24/12/2020 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận như sau:

1. Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 (hai) dấu vân tay mang tên “Đặng Văn T1” trên “Hợp đồng thỏa thuận giao tiền chuyển nhượng đất tái định cư”, đề ngày 23/10/2017 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay của Đặng Văn T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một người ký, viết và in ra.

2. Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 (hai) dấu vân tay mang tên “Lý Thị Mỹ Hạnh” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay ngón trỏ phải, ngón trỏ trái của Lý Thị Mỹ H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M4 đến M7) do cùng một người ký, viết và in ra.

3. Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 (hai) dấu vân tay mang tên “Đặng Thị Mỹ T” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay ngón trỏ phải, ngón trỏ trái của Đặng Thị Mỹ T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M8 đến M12) do cùng một người ký, viết và in ra.

4. Chữ ký, chữ viết họ tên “Đặng Văn T1” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký và chữ viết họ tên Đặng Văn T1 do Đặng Thị Mỹ T ký và viết thực nghiệm trên “Biên bản thu mẫu chữ ký”, đề ngày 06/12/2020 (ký hiệu M9) do cùng một người ký và viết ra.

5. Hai (02) dấu vân tay mang tên “Đặng Văn T1” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với dấu vân tay ngón giữa phải và ngón giữa trái của Lý Thị Mỹ H, sinh năm 1974, nơi cư trú: 2 khu phố T, Đ, D, Bình Dương in trên “Chỉ bản”, lập ngày 19/4/2019 tại CATP. Dĩ An (ký hiệu M7) là của cùng một người in ra.”

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 142/2025/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đặng Thị Mỹ T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2025.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lý Thị Mỹ H 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2025.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 10 năm 2025, bị cáo Đặng Thị Mỹ T kháng cáo với nội dung mức án cao không thỏa đáng và yêu cầu xem xét lại hồ sơ; bị cáo Lý Thị Mỹ H kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 08 tháng 10 năm 2025, bị hại Nguyễn Hữu S kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Sau khi xét xử sơ thẩm, Lý Thị Mỹ H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Đặng Thị Mỹ T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại bản án; Nguyễn Hữu S kháng cáo xem xét bồi thường số tiền 600.000.000 đồng của thửa đất có diện tích 1.554m² tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương và tiền lãi 200.000.000 đồng phát sinh từ năm 2017. Đơn kháng cáo của các bị cáo; người bị hại được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người bị hại rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người bị hại. Đối với các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới; mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 142/2025/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Đặng Thị Mỹ T, Lý Thị Mỹ H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là chưa thỏa đáng. Đây là hình sự hoá mối quan hệ giao dịch dân sự, kinh tế làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh mạng chính trị, quyền tự do của cá nhân,

vi phạm quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự về nguyên tắc suy đoán vô tội và chính sách của pháp luật. Do khi tiến hành khởi tố vụ án hình sự thì yếu tố thiệt hại đã không còn.

Đồng thời, quá trình điều tra, truy tố tại cấp sơ thẩm đã xảy ra vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp đáng có của các bị cáo. Thứ nhất, trong quá trình điều tra thì cơ quan điều tra vi phạm tố tụng, đó là khi lập biên bản hỏi cung của bị cáo, cũng như biên bản ghi lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì không có sự tham gia của Điều tra viên mà chỉ có cán bộ điều tra ghi biên bản hỏi cung, biên bản lấy lời khai; việc Điều tra viên ký vào các biên bản này chỉ là hợp thức hoá. Thứ hai, vi phạm về quyền kiến nghị của luật sư. Người bào chữa đã nhiều lần có văn bản kiến nghị nhưng đều không được cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản chính thức là chưa xem xét toàn diện nội dung vụ án, nhân thân của các bị cáo làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết vụ án, vi phạm Điều 15 của Bộ luật Tố tụng Hình sự về xác định sự thật của vụ án.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội để tuyên bố các bị cáo Đặng Thị Mỹ T, Lý Thị Mỹ H không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ để làm rõ nội dung vụ án; người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên huỷ toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm để điều tra bổ sung và đồng thời tuyên thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Các bị cáo thống nhất với phần trình bày của người bào chữa; tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo yêu cầu xem xét lại vụ án, các bị cáo bị oan.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét để minh oan cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo, người bị hại thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Đối với kiến nghị của người bào chữa cho các bị cáo về việc triệu tập Điều tra viên có mặt tại phiên tòa phúc thẩm; Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi tố tụng của Điều tra viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên trong quá trình điều tra đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên việc triệu tập Điều tra viên có mặt tại phiên tòa phúc thẩm là không cần thiết. Việc Điều tra viên có mặt hay không có mặt tại phiên tòa phúc thẩm cũng không làm thay đổi hành vi phạm tội; nội dung, bản chất của việc giải quyết vụ án. Do đó, kiến nghị yêu cầu của người bào chữa cho các bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của kiểm sát viên, bị hại, bị cáo; người bào chữa cho bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định như sau: Do cần tiền tiêu xài và kinh doanh, nên ngày 23/10/2017 Đặng Thị Mỹ T có hành vi giả chữ ký, tự viết họ tên của ông Đặng Văn T1, bị cáo T nhờ Lý Thị Mỹ H lẫn tay vào phần lẫn tay của ông Đặng Văn T1 trong Hợp đồng thỏa thuận giao tiền chuyển nhượng đất tái định cư đề ngày 23/10/2017, làm cho ông Nguyễn Hữu S tin tưởng giao số tiền cho Đặng Thị Mỹ T số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

[4] Tại Kết luận giám định số 545/GĐ-PC09 ngày 24/12/2020 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận như sau:

“1. Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 (hai) dấu vân tay mang tên “Đặng Văn T1” trên “Hợp đồng thỏa thuận giao tiền chuyển nhượng đất tái định cư”, đề ngày 23/10/2017 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay của Đặng Văn T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một người ký, viết và in ra.

2. Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 (hai) dấu vân tay mang tên “Lý Thị Mỹ Hạnh” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay ngón trỏ phải, ngón trỏ trái của Lý Thị Mỹ H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M4 đến M7) do cùng một người ký, viết và in ra.

3. Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 (hai) dấu vân tay mang tên “Đặng Thị Mỹ T” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay ngón trỏ phải, ngón trỏ trái của Đặng Thị Mỹ T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M8 đến M12) do cùng một người ký, viết và in ra.

4. Chữ ký, chữ viết họ tên “Đặng Văn T1” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký và chữ viết họ tên Đặng Văn T1 do Đặng Thị Mỹ T ký và viết thực nghiệm trên “Biên bản thu mẫu chữ ký”, đề ngày 06/12/2020 (ký hiệu M9) do cùng một người ký và viết ra.

5. Hai (02) dấu vân tay mang tên “Đặng Văn T1” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với dấu vân tay ngón giữa phải và ngón giữa trái của Lý Thị Mỹ H, sinh năm 1974, nơi cư trú: 2 khu phố T, Đ, D, Bình Dương in trên “Chi bản”, lập ngày 19/4/2019 tại CATP. Dĩ An (ký hiệu M7) là của cùng một người in ra.”.

Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử các bị cáo Đặng Thị Mỹ T, Lý Thị Mỹ H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Bị cáo Đặng Thị Mỹ T biết rõ tài sản không thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình nhưng vẫn giả chữ ký của chủ sử dụng để thiết lập Hợp đồng thoả thuận giao tiền chuyển nhượng đất tái định cư với Nguyễn Hữu S; bị cáo Lý Thị Mỹ H là người giúp sức tích cực cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội là hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ; các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý; các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng vì động cơ tư lợi mà bị cáo đã cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Xét kháng cáo của các bị cáo với nội dung yêu cầu xem xét lại hồ sơ vụ án và xin được giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, các bị cáo kêu oan và yêu cầu xem xét lại vụ án nhưng các bị cáo không có cung cấp thêm tình tiết nào mới. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định, đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, mức hình phạt mà Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng đối với từng bị cáo là phù hợp. Do đó, kháng cáo của các bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại với nội dung yêu cầu tăng mức bồi thường. Tại cấp phúc thẩm, người bị hại rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người bị hại.

[8] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Ý kiến trình bày của người bào chữa cho các bị cáo là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu theo quy định; án phí dân sự phúc thẩm bị hại không phải chịu.

[11] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, đ khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại Nguyễn Hữu S;

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Thị Mỹ T, Lý Thị Mỹ H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 142/2025/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Mỹ T 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2025.

Xử phạt bị cáo Lý Thị Mỹ H 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2025.

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Đặng Thị Mỹ T, Lý Thị Mỹ H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu S số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0026715 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh (06);
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng PV06 – Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo (02);
- Người tham gia tố tụng (02);
- Phân Trại Tạm giam Lái Thiêu thuộc Trại tạm giam Bó Lá - Công an Thành phố Hồ Chí Minh (02);
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, 20, (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Lộc